

NGÔN NGỮ HỌC VỚI VIỆT NGỮ HỌC

## VAI TRÒ THỂ HIỆN CHỨC NĂNG LIÊN GIAO CỦA CÁC BIỂU THỨC ĐỒNG SỞ CHỈ

### THE TRANSACTIONAL FUNCTION OF CO-REFERENCE EXPRESSIONS

NGUYỄN TÚ QUYÊN  
(TS, Đại học Sư phạm Thái Nguyên)

#### Abstract

In communication, the most important issue is to exchange information. The speaker (or writer), through the means of language, attempts to send the listener (or reader) some certain message. It is known that different language expressions used to refer to one thing (named 'co-reference expressions') also have this function.

1. Theo Gillan Brown và George Yule [1,15], ngôn ngữ trong giao tiếp có hai chức năng cơ bản là chức năng liên giao (chức năng dùng để thể hiện nội dung-transactional) và chức năng liên nhân (chức năng dùng để biểu hiện các quan hệ xã hội và thái độ - interactional). Với quan sát của chúng tôi, các biểu thức ngôn ngữ khác nhau được dùng để quy chiếu đến một đối tượng (hay còn gọi là các "biểu thức đồng sở chỉ") cũng có vai trò trong việc thể hiện hai chức năng trên. Bài viết này sẽ tìm hiểu vai trò của các biểu thức đồng sở chỉ đối với việc thể hiện chức năng liên giao trong văn bản tiếng Việt, qua ngữ liệu trong một số tác phẩm văn xuôi hiện đại.

#### 2. Thông tin thể hiện chức năng liên giao của các biểu thức đồng sở chỉ

Trong giao tiếp, vấn đề quan trọng chính là việc truyền tải thông tin. Người tạo lập văn bản nói (hoặc viết) thông qua ngôn ngữ mang đến cho người tiếp nhận văn bản (nghe hoặc đọc) những thông điệp nhất định. Đối với các biểu thức đồng sở chỉ, chức năng liên giao thể hiện ở vai trò *cung cấp những thông tin về nội dung của văn bản*. Đó có thể là các loại thông tin sau:

#### 2.1. Thông tin về đặc điểm nghề nghiệp của nhân vật

Để cung cấp cho người đọc biết thông tin về nghề nghiệp của một nhân vật, không nhất thiết bao giờ người viết cũng phải giới thiệu rằng: anh (chị) ta đang làm nghề gì. Thực tế, quy chiếu một nhân vật bằng cách gọi tên nghề nghiệp của nhân vật đó ra là cách rất phổ biến đối với văn hoá người Việt Nam. Chính cách quy chiếu này đã gián tiếp cung cấp thông tin về đặc điểm nghề nghiệp của nhân vật cho người đọc.

Có thể chia nguồn thông tin mà các biểu thức sở chỉ cung cấp thuộc loại này thành hai loại: thông tin về chức vụ của nhân vật và thông tin về nghề của nhân vật. Chẳng hạn:

+ Thông tin về chức vụ của nhân vật, ví dụ:

(1) "*Ông phó chủ tịch!* Xin cho tôi hỏi một điều." [3,442].

Biểu thức *ông phó chủ tịch* được dùng để quy chiếu nhân vật Phương trong tác phẩm đã cho chúng ta biết chức vụ của nhân vật này.

+ Thông tin về nghề nghiệp của nhân vật, ví dụ:

(2) ... “Ôi trời đất ơi, mới ngày nào, mới cách đây hơn một tháng chứ ngày nào, làm như lâu lắm ấy, nó còn ở đây, nó còn sống với các chị em trong cơ quan và trong khu tập thể này, *cái con Thoan cấp dưỡng*, cao lớn, duyên dáng, hay hát và hát rất hay...”. [1,225]

Biểu thức *cái con Thoan cấp dưỡng* được dùng với chức năng cung cấp thông tin cho người đọc về nghề nghiệp của nhân vật. Trong tác phẩm, ở trước câu này, nhân vật Thoan đã được nhận diện thông qua các biểu thức *con Thoan, con Thoan của đơn vị nhà mình vừa trở về địa phương, nó*. Tuy nhiên, chỉ đến khi đọc biểu thức *cái con Thoan cấp dưỡng*, người đọc mới biết rằng nhân vật này đã từng làm nghề *cấp dưỡng*.

Những thông tin về nghề nghiệp của nhân vật không phải bao giờ cũng được cung cấp một cách trực tiếp. Có nhiều trường hợp, người đọc phải vận dụng thao tác suy ý để xác định nghề nghiệp của nhân vật. Chẳng hạn:

(3) “Này...u em, hay là bước đi bước nữa. Tội đêch gì ở với *thằng chân lấm tay bùn*.” [9,210]

*Thằng chân lấm tay bùn* được dùng để quy chiếu nhân vật anh Dậu. Biểu thức này không trực tiếp cho biết nghề nghiệp của nhân vật là gì. Song đọc đến thành ngữ *chân lấm tay bùn*, người đọc vẫn có thể xác định được nghề nghiệp của nhân vật, cụ thể đó là làm nghề nông.

## 2.2. Thông tin về ngoại hình của nhân vật

Ngoại hình của nhân vật là một trong những nhân tố góp phần thể hiện tính cách của nhân vật, theo cách “trông mặt mà bắt hình dong”. Chính vì thế, khi xây dựng hình tượng nhân vật, người viết bao giờ cũng chú trọng đến việc miêu tả ngoại hình sao cho phù hợp với tính cách và đời sống nội tâm của nhân vật. Giới thiệu được các đặc điểm đáng chú ý về ngoại hình của nhân vật thông qua một biểu thức ngôn ngữ có giá trị quy chiếu nhân vật là điều không đơn giản và

chức năng đó nhiều khi được giao cho các biểu thức đồng sở chỉ. Chẳng hạn:

(4) “Hải buột miệng tính ra như thế, cảm thấy thời gian gần gũi quá dài, liệu giữa người cán bộ trình sát và *cô gái xinh đẹp con bà chủ nhà* có mối liên hệ nào đặc biệt không?” [8,155].

Trong ví dụ trên, biểu thức *cô gái xinh đẹp con bà chủ nhà* được dùng để quy chiếu nhân vật Vân. Biểu thức này có chứa yếu tố ngôn ngữ giúp người đọc đoán định được hình thức của nhân vật. Cụ thể, nhờ yếu tố *xinh đẹp* bao hàm nghĩa đánh giá trong biểu thức mà người đọc biết rằng nhân vật này có một ngoại hình ưa nhìn.

Những thông tin về đặc điểm ngoại hình của nhân vật được thể hiện ở nhiều cấp độ khác nhau. Đó có thể là:

+ Thông tin về hình thức nói chung của nhân vật qua sự đánh giá của người khác (tác giả hoặc các nhân vật khác)

Nhân vật có hình thức xấu/ đẹp là những thông tin mà người đọc có thể nhận thấy được thông qua một biểu thức ngôn ngữ được dùng để quy chiếu nhân vật này. Ví dụ:

(5) “Vân đã mất guốc và anh đã đưa đôi dép của mình cho *người đẹp* đi...”. [8,157]

Nhờ yếu tố *đẹp* trong biểu thức *người đẹp* mà người đọc nhận biết được hình thức nói chung của nhân vật đang được nói đến.

Hay:

(6) “Lời nói thiết tha của *người đàn bà có duyên* vẫn còn đôi chút hiệu lực.” [9,37]

Biểu thức *người đàn bà có duyên* cũng cho biết về hình thức của nhân vật. Đó là một người phụ nữ được đánh giá là ưa nhìn.

+ Thông tin về hình dáng nhân vật

Cao/ thấp, béo/ gầy... là những dấu hiệu về hình dáng của nhân vật mà chúng ta có thể xác định được thông qua một biểu thức sở chỉ. Ví dụ:

(7) “*Người mặt thám béo trắng vận quần áo dài* cũng xô đến lôi Tám Bính dậy, đập mạnh tay Bính vào cái vòng sắt và trừng nhìn Bính...”. [4,144]

Yếu tố ngôn ngữ *béo trắng* trong biểu thức *người mật thám béo trắng vận quần áo dài* đã cung cấp thông tin về hình dáng của nhân vật người mật thám.

Hay:

(8) “*Người con trai cao lớn* đã nắm vai người con gái từ từ kéo sát vào ngực mình và lau nước mắt cho cô.” [8,161]

Biểu thức *người con trai cao lớn* cũng cho ta thấy hình dáng của nhân vật đang được đề cập đến. Đó là dáng dấp cao to của người con trai.

- Thông tin về một đặc điểm nổi bật nào đó ở ngoại hình của nhân vật

Có thể nói, các biểu thức sở chỉ có giá trị cung cấp thông tin về một đặc điểm nào đó ở ngoại hình nhân vật rất đa dạng. Những thông tin này có thể khái quát như giới thiệu tổng thể về nhân vật, có thể đặc tả một chi tiết cụ thể nào đó như miêu tả da mặt, đôi mắt, mái tóc v.v.

Chẳng hạn:

(9) “*Anh bỡ ngỡ nhìn vào cặp mắt đang mở thao láo của cô nhân viên bưu điện trẻ.*” [2,94]

Biểu thức *cô nhân viên bưu điện trẻ* đã cung cấp thông tin khái quát về ngoại hình của nhân vật, giới thiệu cho người đọc qua cái nhìn tổng thể về nhân vật: đó là một cô gái còn trẻ.

(10) “*Người đàn bà goá mù này bán hán cho một bác phó cối không con...*” [6,12]

Biểu thức *người đàn bà goá mù này* lại cung cấp thông tin về một đặc điểm cụ thể ở ngoại hình của nhân vật: đó là đôi mắt mù khả năng nhìn của người đàn bà goá chồng nọ.

### 2.3. Thông tin về tuổi tác của nhân vật

Cung cấp thông tin về đặc điểm tuổi tác của nhân vật là điều mà người viết thường làm khi muốn nhấn mạnh đến những hoạt động hay diễn biến trạng thái tâm lý của nhân vật. Cũng giống như việc cung cấp thông tin về đặc điểm nghề nghiệp của nhân vật, việc nói về đặc điểm tuổi tác không nhất thiết

phải theo một khuôn mẫu trực tiếp: nhân vật này bao nhiêu tuổi. Thực tế cho thấy, tuổi tác của nhân vật có thể được thể hiện thông qua một biểu thức ngôn ngữ có giá trị quy chiếu nhân vật. Chẳng hạn:

(11) “*Đứa nào nhi, đứa nào mang mắt khuôn mặt đợi chờ của con gái tôi đi mất và trả cho nó khuôn mặt đàn bà, vừa đầm thắm, vừa non nớt của cô bé tuổi 16.*” [5,17]

Biểu thức *cô bé tuổi 16* trong ví dụ trên có giá trị cung cấp thông tin về tuổi tác của nhân vật. Nhờ yếu tố ngôn ngữ *tuổi 16* trong biểu thức mà chúng ta xác định được chính xác tuổi của nhân vật này.

Hay:

(12) “*Cái nhanh nhẩu của đôi mắt sắc ngọt, cái xinh xắn của cặp môi đỏ tươi, cái mịn màng của nước da đen giòn và cái nuột nà của người đàn bà hai mươi bốn tuổi vẫn không đánh đổ những cái lo phiền buồn bã trong đáy tim.*” [9,8]

Biểu thức *người đàn bà hai mươi bốn tuổi* cũng có vai trò cung cấp cho người đọc thông tin về đặc điểm tuổi tác của nhân vật. Cụ thể, thông qua biểu thức này, người đọc mới biết chính xác tuổi của chị Dậu là hai mươi bốn.

### 2.4. Thông tin về bản chất hay đặc điểm tính cách của nhân vật

Nếu như nghề nghiệp, hình thức hay tuổi tác là những nhân tố bên ngoài thì bản chất và tính cách lại là những nhân tố bên trong làm nên nhân vật. Chính vì thế, để nhận diện chúng không hề đơn giản. Tuy nhiên, qua các biểu thức sở chỉ, người đọc có thể phần nào hiểu được bản chất hay tính cách này của nhân vật. Đó là:

- Thông tin về bản chất của nhân vật. Chẳng hạn:

(13) “*Còn người chồng bội bạc kia thì đang vui thú với ai mà chẳng bọn nghĩ tới người vợ đoạ đày.*” [4,44]

Nhìn vào biểu thức *người chồng bội bạc kia*, có thể biết được đối tượng đang được đề

cập đến là con người được đánh giá là không chung thủy, bạc tình bạc nghĩa.

Hay:

(14) “Do thói thức từ nội tâm phải tham gia vào hoạt động trừ bỏ cái xấu, Tư buộc phải quan sát người đàn bà quái ác nọ”. [7,188]

Thông qua yếu tố ngôn ngữ *quái ác* trong biểu thức mà người đọc biết được đối tượng đang được đề cập đến là con người có bản chất độc ác, không nhân ái.

Bản chất của nhân vật có khi được thể hiện một cách trực tiếp trong biểu thức sở chỉ (chẳng hạn như trong *người chồng bội bạc kia, người đàn bà quái ác nọ...*), nhưng có khi được bộc lộ một cách gián tiếp và phải thông qua suy ý, người đọc mới có thể nhận diện được. Chẳng hạn:

(15) “*Thằng “Nghĩa hoa hồng”* cũng là ông, *thằng cháu* này cũng là ông.” [3,57]

Biểu thức *thằng “Nghĩa hoa hồng”* được dùng để quy chiếu nhân vật Nghĩa, trưởng phòng thuế. Thông qua yếu tố *hoa hồng* trong biểu thức, nhân vật này được giới thiệu là con người vụ lợi, chuyên ăn đút lót của mọi người (tức là làm giàu từ việc nhận tiền hoa hồng của người khác). Rõ ràng, nếu không vận dụng thao tác suy ý để hiểu nghĩa ẩn dụ của từ *hoa hồng*, người nghe sẽ không hiểu ý nghĩa của biểu thức, và như vậy cũng sẽ không hiểu được bản chất con người của nhân vật này.

- Thông tin về tính cách của nhân vật

Đặc điểm tính cách của nhân vật có thể được thể hiện thông qua một biểu thức có giá trị quy chiếu nhân vật. Cũng giống như bản chất của nhân vật, tính cách của nhân vật có thể được thể hiện một cách trực tiếp, có thể được thể hiện một cách gián tiếp.

Chẳng hạn:

(16) “...vạch rõ ra trước mắt người ấy tất cả mọi cái đại dột của *cô gái quê hiền hậu* ra tinh lần đầu.” [4,33]

Biểu thức *cô gái quê hiền hậu* đã phản ánh trực tiếp tính cách của nhân vật, đó là một tính cách hiền lành của cô gái.

(17) “Có lẽ chính vì thế mà thị Nở không sợ *cái thằng mà cả làng sợ*”; [6,32]; “*cái thằng liều lĩnh ấy* kể ra cũng đáng thương...” [6,38]; “*Cái thằng trời đánh không chết ấy*, nó còn sợ ai mà hòng kêu.” [6,38]

Các biểu thức *cái thằng mà cả làng sợ, cái thằng liều lĩnh ấy, cái thằng trời đánh không chết ấy* đã phần nào cho ta thấy tính cách hung hãn, có thể được coi là bất trị của Chí Phèo. Tuy nhiên, những nét tính cách này không được gọi ra một cách trực tiếp mà người đọc phải tự suy ra từ ý nghĩa bề mặt của biểu thức.

2.5. Thông tin về xuất thân của nhân vật

Hoàn cảnh xuất thân của nhân vật là điều người đọc có thể nhận ra thông qua một biểu thức sở chỉ. Chẳng hạn:

(18) “Mày muốn lời thôi gì? ...*Cái thằng không cha không mẹ này!*” [6,13]

Hay:

(19) “Đàn ông chết cả rồi hay sao mà lại đâm đầu đi lấy *một thằng không cha*.” [6,42]

Các biểu thức *cái thằng không cha không mẹ này* và *một thằng không cha* đã cung cấp thông tin về hoàn cảnh xuất thân của nhân vật. Cụ thể, nhìn vào biểu thức, người đọc biết được nhân vật Chí Phèo mồ côi cả cha lẫn mẹ.

2.6. Thông tin về tình trạng của nhân vật

Thông qua một biểu thức sở chỉ, người đọc có thể nhận biết được tình trạng của nhân vật ở những khoảng thời gian hoặc thời điểm cụ thể. Chẳng hạn:

(20) “Kết cục, anh chàng “*hầu cận ông lí*” yếu hơn *chị chàng con mọn*, hấn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thêm.” [9, 149]

Biểu thức *chị chàng con mọn* cung cấp cho người đọc biết chị Dậu đang nuôi con nhỏ.

Hay:

(21) Tưởng rằng đủ tiền nộp sưu cho chồng, thì chồng tôi khỏi bị hành hạ đêm nay? Ai ngờ lại còn suất sưu của người chết nữa. [9,113]

Biểu thức *người chết* được dùng để quy chiếu nhân vật *Hợi* đã cho người đọc biết nhân vật này đã chết.

3. Tóm lại, để quy chiếu một đối tượng, người tạo lập văn bản có thể sử dụng các biểu thức ngôn ngữ khác nhau. Mỗi biểu thức ngôn ngữ được thay thế có một giá trị nhất định trong đó có giá trị cung cấp thông tin về nhân vật như thông tin về *nghề nghiệp, ngoại hình, tuổi tác, tính cách, bản chất, tình trạng...* của nhân vật ở một hoàn cảnh cụ thể trong văn bản. Những thông tin này được các tác giả sử dụng có dụng ý, là cơ sở giúp cho người tiếp nhận văn bản hiểu rõ hơn về nhân vật mình đang nói đến, nhờ vậy mà họ lĩnh hội nội dung của tác phẩm một cách toàn diện hơn, sâu sắc hơn.

#### Tài liệu tham khảo

1. Gillian Brown – George Yule (2001), (Trần Thuần dịch), *Phân tích diễn ngôn*, Nxb ĐHQG, Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Đỗ Hữu Châu (2003), *Cơ sở Ngữ dụng học*, tập 1, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
4. Mai Ngọc Chừ, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đỗ Việt Hùng, Bùi Minh Toán (2007), *Nhập môn ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Cao Xuân Hạo (1992), *Tiếng Việt – Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội., Hà Nội.

6. Đỗ Việt Hùng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (2004), *Phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn học*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

7. Nguyễn Đức Tồn (2006), *Từ đồng nghĩa tiếng Việt*, Nxb Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, Hà Nội.

8. Nguyễn Đức Tồn (2002), *Tim hiểu đặc trưng văn hóa - dân tộc của ngôn ngữ và tư duy ở người Việt (trong sự so sánh với các dân tộc khác)*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

#### Nguồn ngữ liệu trích dẫn

1. Nguyễn Minh Châu (2003), *Nguyễn Minh Châu truyện ngắn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
2. Hồ Thủy Giang (2005), *Truyện ngắn chọn lọc*, Nxb Văn học, Hà Nội.
3. Thái Hà (tuyển chọn) (1999), *Truyện ngắn hay 1999*, Nxb Thanh Hoá.
4. Nguyễn Hồng, *Nguyễn Hồng - những tác phẩm tiêu biểu*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Nguyễn Thị Thu Huệ (1995), *Hậu thiên đường*, Bên trần gian (tập truyện ngắn chọn lọc cuộc thi tạp chí Văn nghệ Quân đội 1992 - 1994), Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
6. Lan Hương (tuyển chọn) (2005), *Nam Cao truyện ngắn tuyển chọn*, Nxb Văn học, Hà Nội.
7. Ma Văn Kháng (1986), *Kiểm – chú bé – con người*, Ngày đẹp trời, Nxb Lao động, Hà Nội.
8. Xuân Thiều (1995), *Gió từ miền cát* (tập truyện ngắn), Nxb Tác phẩm mới, Hà Nội.
9. Ngô Tất Tố (2001), *Tắt đèn*, Nxb Đồng Nai.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 29-01-2013)